

Số: 2182 /QĐ-SYT

Đồng Nai, ngày 27 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 (lần 10)

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI

Căn cứ Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND, ngày 13/06/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Sở Y tế tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định 2118/QĐ-SYT, ngày 18/8/2021 của Sở Y tế về việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2021;

Căn cứ Quyết định 2133/QĐ-SYT, ngày 23/8/2021 của Sở Y tế về việc giao bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2021;

Theo đề nghị của Phụ trách phòng Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

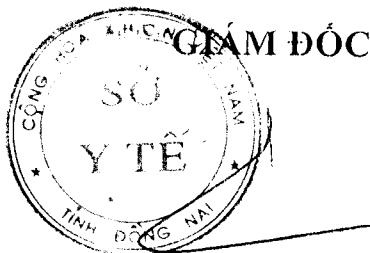
Điều 1. Công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 (lần 10), theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

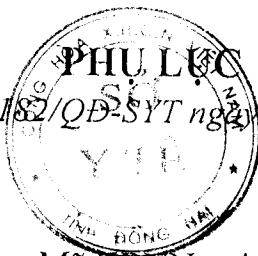
Điều 3. Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Website SYT;
- Sở Tài chính;
- Kho bạc NN tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: VT, KHTC.



Phan Huy Anh Vũ

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI**Chương: 423**

(Kèm theo Quyết định số 2182/QĐ-SYT ngày 27/8/2021 của Giám đốc Sở Y tế)

Đơn vị:

Mã số:

Mã KBNN nơi giao dịch:

ĐVT: Triệu đồng

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO
130	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	121.977,43067
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	121.977,43067
130 - 131	Y tế dự phòng	155.247,43067
130-131	+ KP đáp ứng kế hoạch sử dụng vắc xin phòng Covid-19 đợt 4, đợt 5 năm 2021	33.270
130-131	Kinh phí bổ sung kinh phí cho điều trị và phòng chống dịch COVID-19 (02 BV + 07 TTYT)	62.677,55734
	+ KP phòng chống dịch COVID-19	44.475,14434
	+ KP điều trị bệnh nhân Covid-19	18.202,41300
130-131	+ KP xét nghiệm COVID-19 diện rộng (đợt 2)	53.692
130-131	+ KP Mua sắm bổ sung TTBYT cho khu vực điều trị bệnh Covid-19 nặng	5.607,87333
130 - 139	Y tế khác	-33270
130 - 139	KP mua sắm trang thiết bị cho ngành y tế	-33.270